TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NT** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 199/2022/QĐST-HNGĐ	*NT, ngày 25 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NT, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ các Điều 212, 213, 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 7 năm 2022 lập tại Tòa án nhân dân huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 189/2022/TLST- VDS ngày 06 tháng 7 năm 2022 về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh **Trần VD, sinh năm 1989**.

Trú tại: Ấp 14, xã Nguyễn Phích, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau.

- Chị **Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1992**.

Trú tại: Ấp Giồng Ông Đông, xã Phú Đông, huyện NT, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 75 do Ủy ban nhân dân xã Phú Đông, huyện NT, tỉnh Đồng Nai cấp ngày 08/9/2014 thể hiện anh Trần VD và chị Nguyễn Thị Thùy T là vợ chồng hợp pháp. Trong quá trình chung sống thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do không cùng quan điểm và lối sống không

hòa hợp. Cả hai đã cố gắng hàn gắn nhưng không có kết quả. Nay nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được nên anh Trần VD và chị Nguyễn Thị Thùy T yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của anh Trần VD và chị Nguyễn Thị Thùy T là tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân gia đình nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Anh Trần VD và chị Nguyễn Thị Thùy T tự nguyện thỏa thuận giao 01 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 01/5/2015 cho chị Trang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần VD có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 01 con chung là Trần Gia H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Anh Đệ có nghĩa vụ giao số tiền trên cho chị Trang nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Việc thỏa thuận người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con là tự nguyện, phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 110 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 nên ghi nhận.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có nên không xem xét.

[5] Về lệ phí: Anh Trần VD và chị Nguyễn Thị Thùy T mỗi người phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định pháp luật nên ghi nhận.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15 tháng 7 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận nêu trên.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần VD và chị Nguyễn Thị Thùy T thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Giao 01 con chung tên Trần Gia H, sinh ngày 01/5/2015 cho chị Trang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Anh Trần VD có nghĩa vụ cấp dưỡng 01 nuôi con chung là Trần Gia H mỗi tháng 2.000.000đ (hai triệu đồng). Thời điểm cấp dưỡng tính từ ngày 25 tháng 7 năm 2022 cho đến khi cháu Huy đủ 18 tuổi. Anh Đệ có nghĩa vụ giao số tiền trên cho chị Trang nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Không ai được cản trở quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Vì quyền lợi của con chung, các đương sự có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung và nợ chung: Hai bên xác nhận không có.

2. Về lệ phí: Anh Trần VD và chị Nguyễn Thị Thùy T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí việc dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị Trang, anh Đệ mỗi người đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo các biên lai thu số 0008090 và 0008091 cùng ngày 30/6/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện NT. Chị Trang, anh Đệ đã nộp đủ lệ phí sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân H. NT;
- UBND xã (phường, thị trấn) nơi cấp giấy chứng nhận kết hôn.
- Chi cục thi hành án dân sự;
- Lưu.

THẨM PHÁN

Lê Văn Đại